TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **01**/2024/QĐST-DS	*Như Thanh, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 1, khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2024, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lương Bá N** - Sinh năm 1970
Địa chỉ: thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1974
Địa chỉ: khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Chị **Lê Thị L** - Sinh năm 1972
Địa chỉ: thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh **Lê Quang H** - Sinh năm 1972
Địa chỉ: khu phố Xuân Điền, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về khoản nợ: Anh Lương Bá N, chị Lê Thị L và chị Nguyễn Thị T, anh Lê Quang H thống nhất: Vợ chồng chị T, anh H có nợ vợ chồng anh N, chị L số tiền mua gỗ keo là 43.810.000 đồng.

Tại phiên hoà giải ngày 23/01/2024, chị T đã trả cho anh N được số tiền 15.000.000 đồng. Số tiền chị T, anh H còn nợ anh N, chị L là 28.810.000 đồng.

- Về nghĩa vụ trả nợ, Anh Lương Bá N, chị Lê Thị L và chị Nguyễn Thị T, anh Lê Quang H thống nhất: Chị T, anh H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho anh N, chị L tổng số tiền 28.810.000 (hai mươi tám triệu tám trăm mười nghìn đồng).

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Anh Lương Bá N, chị Lê Thị L và chị Nguyễn Thị T, anh Lê Quang H thống nhất: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

- Về án phí: Anh Lương Bá N, chị Lê Thị L và chị Nguyễn Thị T, anh Lê Quang H thống nhất:

Chị T, anh H phải chịu 720.250 đồng (bảy trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lương Bá N và chị Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh N và chị L được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004011, ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Như Thanh;
- THADS huyện Như Thanh (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Đình Huy